TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 817/2025/DS-ST
Ngày: 12-09-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hùng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

2. Bà Trương Thị Hồng Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Trịnh Thị Thục Đoan, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Hoài - Kiểm Sát viên.

Ngày 12 tháng 09 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7 –Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2025/DSST ngày 18 tháng 03 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1708/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Trần Đức T, sinh năm: 1984; (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: ông Lê Quang T1, sinh năm: 1981

Địa chỉ thường trú: Số F, đường X, Tổ B, phường N, tỉnh K;

Địa chỉ tạm trú: Lô 6C, Chung cư H, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ông Trần Đức T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/04/2016, ông Lê Quang T1 có ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Lê Quang T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lê Quang T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 98.517.550 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Lê Quang T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 104.821.500 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lê Quang T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Lê Quang T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/05/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 12/09/2025, ông Lê Quang T1 còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 20.470.149 đồng
- Lãi quá hạn: 52.184.171 đồng
- Tổng cộng: 72.654.320 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Lê Quang T1 có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ nêu trên, tuy nhiên ông Lê Quang T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lê Quang T1 trả một lần toàn bộ số nợ trên và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 04/09/2025 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ông Lê Quang T1 đã được được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để triệu tập ông Lê Quang T1 đến Tòa để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông Lê Quang T1 không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ và không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Như vậy, ông Lê Quang T1 tự từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ. Ông Lê Quang T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng có đơn xin vắng mặt và gửi bản tự khai vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Ông Lê Quang T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự**:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 –Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng

- Về quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng T và ông Lê Quang T1 đã ký với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do ông Lê Quang T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Căn cứ Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Lê Quang T1 có địa chỉ cư trú tại phường A, (trước đây là phường F, quận G) Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Quang T1. Tuy nhiên ông Lê Quang T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Quang T1.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

- Về yêu cầu ông Lê Quang T1 thanh toán số tiền còn nợ thẻ tín dụng.

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T– các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 22/04/2016 được ký giữa ông Lê Quang T1 với Ngân hàng T cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ hợp đồng tín dụng và các bản sao kê mà Ngân hàng cung cấp thể hiện ông Lê Quang T1 có thực hiện giao dịch với Ngân hàng. Tính đến ngày 12/9/2025, ông Lê Quang T1 còn nợ tổng số tiền 72.654.320 đồng cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 20.470.149 đồng
- Lãi quá hạn: 52.184.171 đồng

Do ông Lê Quang T1 không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất, các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở ông Lê Quang T1 thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông Lê Quang T1 vẫn không thực hiện. Do ông Lê Quang T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 01/05/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Như vậy, ông Lê Quang T1 đã vi phạm về thời hạn thanh toán, theo như thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, nên Ngân hàng yêu cầu ông Lê Quang T1 trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

- Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của Ngân hàng. Xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này*", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

- Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/04/2016 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật.

Do ông Lê Quang T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong hợp đồng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Vì các lẽ trên ông Lê Quang T1 phải thanh toán 01 lần cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/09/2025 là 72.654.320 đồng (trong đó nợ gốc là 20.470.149 đồng; lãi quá hạn: 52.184.171 đồng); kể từ ngày 13/09/2025, ông Lê Quang T1 tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Lê Quang T1 phải chịu án phí là 3.632.716 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sử đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc ông Lê Quang T1 phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền tạm tính đến ngày 12/09/2025 là 72.654.320 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng*). (trong đó nợ gốc là 20.470.149 đồng; lãi quá hạn: 52.184.171 đồng).

Kể từ ngày 13/09/2025, ông Lê Quang T1 tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

2. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Quang T1 phải chịu số tiền án phí là 3.632.716 đồng (*Bằng chữ: ba triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm mười sáu đồng)*.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.494.365 đồng (*Bằng chữ: một triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm sáu mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0056558 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T; ông Lê Quang T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSKV7-TPHCM;
- THADSTPHCM;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hùng Linh